TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 29-3-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lài Thị Thu Hà

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Trọng Thắng – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2019 về việc: "*ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX - ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Tô Hồng G sinh năm: 1990

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Anh 3, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L có mặt còn anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Tô Hồng G xây dựng gia đình với nhau năm 2010, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/11/2010. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xung đột. Do không tìm được biện pháp để cải thiện mối quan hệ vợ chồng nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn. Vì vậy, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G. Về con chung chị L xác định trong quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Tô Ngọc B Tr, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Tô Gia B, sinh ngày 15/11/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, yêu cầu anh G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/1 tháng/ 1 cháu. Về tài sản chung chị L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung chị L xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời nộp kèm theo đơn khởi kiện chị L đã nộp các chứng cứ gồm bản chính giấy chứng nhận kết hôn, hai bản sao giấy khai sinh của con chung.

Bị đơn anh Tô Hồng G trình bày: anh G và chị L xây dựng gia đình với nhau năm 2010, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về tính cách, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Đã nhiều lần vợ chồng trao đổi để có thể hiểu nhau, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay anh G xác định không còn tình cảm với chị L nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung anh G xác định trong quá trình chung sống có 02 con chung là Tô Ngọc B Tr, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Tô Gia B, sinh ngày 15/11/2013. Khi ly hôn anh G đồng ý giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh G sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/ 1 tháng/ 1 cháu. Về tài sản chung anh G xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung anh G xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời anh G có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G vắng mặt và Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh G nhưng anh G không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh G. Về con chung đề nghị giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh G có trách nhiệm cấp dưỡng cho cả hai cháu là 2.000.000đồng/ 1 tháng và anh G đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của chị L nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Tô Hồng G có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh G xây dựng gia đình với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau và còn xảy ra xô xát. Tại phiên tòa chị L trình bày nguyên nhân chủ yếu do anh G thường xuyên đánh bài, không lo làm ăn nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Năm 2017 chị L đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về nhưng sau khi rút đơn ly hôn tại Tòa án thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị L xác định chị không còn tình cảm với anh G, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G. Còn anh G vắng mặt nhưng trong lời khai anh G cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và đã ly thân từ giữa năm 2017 nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết chị trường hợp của L và anh G địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân. Do mâu thuẫn kéo dài, cả hai vợ chồng lại không tìm được biện pháp để cải thiện nên đã tự sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không còn khả năng để cải thiện, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh G được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị L và anh G có hai con chung là Tô Ngọc B Tr, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Tô Gia B, sinh ngày 15/11/2013. Khi ly hôn chị L đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con cho cả hai cháu là 2.000.000đồng/ 1 tháng. Xét thấy, qua xác minh thực tế tại địa phương nơi các đương sự sinh sống thì được biết từ khi vợ chồng ly thân thì cả hai cháu vẫn chung sống với chị L, do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu Tr có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn và anh G cũng đồng ý giao

cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai con cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh G cấp dưỡng cho cả hai con chung là 2.000.000đồng/ 1 tháng và anh G cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho cả hai cháu mỗi tháng là 2.000.000đồng nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh G.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung các đương sự đều xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Tô Hồng G được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cả hai con là Tô Ngọc B Tr, sinh ngày 21/5/2011 và cháu Tô Gia B, sinh ngày 15/11/2013 cho chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Tô Hồng G có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cả hai cháu là 2.000.000đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày án có hiệu lực cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ

thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000975 ngày 28/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Tô Hồng G phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (29/3/2019), còn anh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp thị trấn Nam Ban;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Xuân Trường **Lài Thị Thu Hà**	**Nguyễn Thị Như Quỳnh**